TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 32/2024/QĐST-HNGĐ	*A, ngày 31 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn L.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Đình R.

2. Bà Huỳnh Thị Tuyết M.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số 222/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự*:

Nguyên đơn: Chị **Đào Thị T** – Sinh năm: 1994; nơi cư trú: Số 158/38 Đ, phường N, thành phố Q, tỉnh B (có mặt).

Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn S** – Sinh năm: 1991; nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện A, tỉnh B (có mặt).

2. *Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau*:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Đào Thị T và anh Huỳnh Văn S thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Đào Thị T và anh Huỳnh Văn S thống nhất có hai con chung tên: Huỳnh Yến V, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2017 và Huỳnh Minh K, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2019, hiện đang sống với anh S. Khi ly hôn chị T và anh S thống nhất giao hai cháu Huỳnh Yến V và Huỳnh Minh K cho anh Huỳnh Văn S tiếp tục nuôi dưỡng và chị Đào Thị T không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Đào Thị T và anh Huỳnh Văn S thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về án phí HNST*: Chị Đào Thị T tự nguyện chịu 300.000[đ] (ba trăm nghìn đồng) án phí sung ngân sách Nhà nước. Chị Đào Thị T đã nộp 300.000[đ] (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012072 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nay được khấu trừ.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã C, huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn L